

QUAN NIỆM VỀ TUỔI GIÀ VÀ CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI VIỆT QUA TỤC NGŨ: TIẾP CẬN TỪ LÝ THUYẾT DIỄN NGÔN

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUYỀN*

Tuổi già và cái chết là cột mốc quan trọng trong thời gian sinh học của đời người. Bài viết tiếp cận từ lý thuyết diễn ngôn, tập trung nghiên cứu “tuổi già” và “cái chết” qua tục ngữ, qua đây có thể nhận diện được thái độ ứng xử của người Việt đối với thời gian đời người, góp phần giải mã văn hóa ứng xử với thời gian trong truyền thống của người Việt, từ đó giúp điều chỉnh văn hóa ứng xử với thời gian phù hợp với nhịp sống công nghiệp, hiện đại trong thời kỳ toàn cầu hóa.

Từ khóa: thời gian sinh học của đời người, tuổi già, cái chết

Nhận bài ngày: 25/4/2022; đưa vào biên tập: 02/5/2022; phản biện: 22/6/2022; duyệt đăng: 11/7/2022

1. DẪN NHẬP

Tuổi già và cái chết là khoảng thời gian quan trọng của cuộc đời một con người. Thời gian sinh học của đời người (biological time of human life) là kiểu thời gian phản ánh tính chất tồn tại của con người về mặt đời sống sinh học tự nhiên. Thời gian sinh học đời người biểu hiện qua những mốc thời gian trên đường đời của con người, qua các giai đoạn kế tiếp nhau như sinh, lão, bệnh, tử.

Trong tâm lý chung của con người, “già” và “chết” là hai mốc thời gian mà người ta dành nhiều sự quan tâm của mình vào đấy cũng như chi phối mạnh mẽ đời sống tâm lý con người, vì cùng với sự sinh nở, giai đoạn mới lớn, giai đoạn hôn nhân, thì tuổi

già và cái chết là những thời điểm quan trọng bậc nhất mà ở đó tâm lý khủng hoảng về sự tồn tại của con người.

Ở góc độ chuyên ngành, sự sống và cái chết là cặp phạm trù đối lập được bàn đến nhiều hơn là tuổi già - cái chết. Thái độ và cách ứng xử của con người chung quanh mối quan hệ giữa sự sống và cái chết đã được Phạm Đức Dương bàn đến trong công trình *Từ văn hóa đến văn hóa học* (2002), đặt trong cái nhìn về thời gian của con người giữa hai thế giới, thế giới tục và thế giới thiêng.

Trong kho tư liệu mở hiện nay, có thể bắt gặp rất nhiều bài viết đề cập đến “tuổi già” và “cái chết”. Tuy nhiên, chưa có bài viết nào tiếp cận đề tài này từ lý thuyết *diễn ngôn* (discourse theory), thông qua ngữ liệu tục ngữ.

* Công ty Cổ phần Figment Collective.

Khi đề cập đến “tuổi già” và “cái chết”, bài viết chú trọng vào cách mà người Việt suy nghĩ và lựa chọn thái độ ứng xử đối với những mốc thời gian sinh học quan trọng này *qua tục ngữ*, thông qua cách tiếp cận lý thuyết diễn ngôn để góp phần giải mã văn hóa ứng xử với thời gian trong truyền thống của người Việt.

2 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh xuyên văn hóa (so sánh giữa quan niệm về tuổi già và cái chết của người Việt và một số tộc người khác trên thế giới qua tục ngữ), đặt trong hướng tiếp cận liên ngành. Sử dụng hai bộ tục ngữ *Kho tàng tục ngữ người Việt* (2 tập) (Nguyễn Xuân Kính, 2002) và *Từ điển tục ngữ thế giới* (Gerd de Ley, 2005) làm cơ sở nghiên cứu, thống kê văn bản. Phạm vi nghiên cứu khảo sát tục ngữ tập trung vào bối cảnh xã hội truyền thống của người Việt, từ cuối thế kỷ XIX trở về trước.

Bài viết tiếp cận lý thuyết diễn ngôn theo quan niệm của Foucault, ở hướng tiếp cận xã hội học, theo cách hiểu “diễn ngôn là một thực tiễn sản sinh ra vô số các nhận định và chi phối việc vận hành của chúng”, “là một hệ thống của “những tư tưởng, quan điểm, khái niệm, cách thức tư duy và hành xử, những cái được hình thành trong một bối cảnh xã hội cụ thể” (Nguyễn Thị Ngọc Minh, 2012). Cách định nghĩa diễn ngôn như vậy cho thấy cái bản chất thuộc về các thiết chế và bị chi phối bởi luật lệ của

diễn ngôn. Sự ra đời của diễn ngôn chịu sự chi phối mạnh mẽ của các thiết chế, và đằng sau nó là bàn tay vô hình của quyền lực. “Quyền lực, đối với Foucault, không đơn giản chỉ là sự cưỡng bức, cái ngăn trở sự tự do và ý nguyện của người khác, mà là “điều kiện tạo thành tất cả mọi lời nói”, cái không chỉ cấm người ta nói mà còn cho phép người ta được phát ngôn. Quyền lực cũng không đơn giản chỉ là quyền lực nhà nước, được xác định bằng các quan hệ kinh tế, mà “được phân tán rải rác trong các mối quan hệ xã hội” (Nguyễn Thị Ngọc Minh, 2012).

Kết quả ghi nhận từ những diễn ngôn của tục ngữ qua quá trình khảo sát, thống kê được chúng tôi quy chiếu phân tích dựa trên cơ sở vận dụng tư duy của lý thuyết này, thể hiện ở những nội dung được phân tích dưới đây.

3. QUAN NIỆM VỀ TUỔI GIÀ VÀ CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI VIỆT VÀ CÁC DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI QUA TỤC NGỮ

Qua quá trình thống kê, chúng tôi nhận thấy có hai trục tâm lý đối nhau trong quan niệm về tuổi già và cái chết của người Việt:

- (1) Tâm lý sợ mau già, vì tuổi già luôn đi kèm sự giảm sút về sức khỏe thể chất sinh học, đi cùng với cái chết.
- (2) Sợ già nhưng vẫn đề cao tuổi già, đồng thời không quá lo sợ, ám ảnh về cái chết.

Có thể nhận thấy có sự khác biệt trong quan niệm về tuổi già và cái chết

giữa người Việt và các dân tộc khác thể hiện tập trung ở: *tâm lý lo mau già nhưng bình thản khi nói về cái chết* (tục ngữ Việt) và *tâm lý âu lo về cái chết* (tục ngữ thế giới).

Tâm lý sợ tuổi già

Trong *Kho tàng tục ngữ người Việt* (Nguyễn Xuân Kính, 2002), tác giả đã

cho thấy nhiều trường hợp phản ánh tâm lý e ngại khi nói về tuổi già của người Việt, lo lắng khi tuổi xuân qua nhanh, tuổi già sớm đến. Bên cạnh đó, với tục ngữ của các nước Đan Mạch, Pháp, Nhật Bản,... chúng ta cũng nhận thấy sự tiếc nuối tuổi xuân, lo sợ tuổi già đến nhanh.

Tâm lý sợ tuổi già của người Việt và một số dân tộc trên thế giới

Tục ngữ Việt	Tục ngữ thế giới
1. Trai ba mươi tuổi đang xoan/Gái ba mươi tuổi đã toan về già	1. Đan Mạch: Tuổi tác là người đồng hành đáng buồn.
2. Một năm một tuổi như đuổi xuân đi	<i>Age is a sorry travelling companion.</i>
3. Một năm một tuổi một già/ Ba năm một tuổi chi mà đợi anh	2. Nhật Bản: Tuổi già nuốt chửng tuổi trẻ
4. Măng mọc có lú, người ta có thì	<i>Old age devours your youth.</i>
5. Mỗi tuổi mỗi thấy già	3. Pháp: Trước khi ta kịp hiểu cuộc đời thì nửa đời đã trôi qua.
6. Trẻ chưa qua già đã đến	<i>Life is half spent before one knows what life is.</i>
7. Vừa khôn đã già, mới biết ăn cà thì răng đã rụng	
8. Chơi xuân kéo hết xuân đi/ Cái già lóc thóc nó thì theo sau	
9. Chơi xuân kéo hết xuân đi/ Cái già sống sộc nó thì theo sau	

Đề cao tuổi già và kinh nghiệm của tuổi già

Trong tục ngữ, các dân tộc khác nhau

trên thế giới lại gặp nhau ở tâm lý chung là cùng đề cao tuổi già, kinh nghiệm của người già.

Tục ngữ Việt	Tục ngữ thế giới
1. Càng già càng dẻo càng dai	1. Armenia: Hãy chọn bạn bằng đôi mắt của người già cả và chọn ngựa bằng đôi mắt người trẻ.
2. Gừng càng già càng cay	<i>Choose a friend with the eyes of an old man, and a horse with the eyes of a young one.</i>
3. Sống lâu biết nhiều sự lạ	2. Trung Hoa: Nếu bạn muốn thành công, hãy tìm đến ba người lớn tuổi, hỏi ý kiến họ và nghe theo họ.
4. Sống lâu sức khỏe, mọi về mọi hay	<i>If you wish to succeed, consult three old people.</i>
5. Đi hỏi già, về nhà	3. Thụy Điển: Người trẻ cần phải được dạy bảo, người già cần phải được kính trọng.
	<i>The young should be taught, the old should be honored.</i>
	4. Hoa Kỳ: Năm tháng biết nhiều điều hơn sách vở.

hỏi trẻ	<i>Years know more than books.</i>
6. Sống lâu lên lão làng	5. Yoruba: Người trẻ không thể dạy người già về truyền thống.
7. Kính già già để tuổi cho	<i>The young cannot teach tradition to the old.</i>
8. Yêu trẻ, trẻ đến nhà; kính già, già để tuổi cho	6. Ireland: Tuổi tác thì đáng kính và sự trẻ trung thì xuất sắc. <i>Age is honorable and youth is noble.</i>
	7. Nga: Những con ngựa của hy vọng phóng nhanh, nhưng những kinh nghiệm của con rùa chậm rãi bước. <i>The horses of hope gallop, but the asses of experience go slowly.</i>

Quan niệm về tuổi già đi cùng với sự giảm sút về sức khỏe, thể chất sinh học

Tục ngữ Việt	Tục ngữ thế giới
1. Ăn như tráng, làm như lão	1. Đức: Khi cụ già kết hôn, thần chết bật cười. <i>When an old man marries, death laughs.</i>
2. Bé lớn ra, già hóp lại	2. Tây Ban Nha: Với một ông lớn tuổi thì một phụ nữ trẻ là con ngựa mà ông ta cưỡi về địa ngục.
3. Trẻ khôn qua, già lú lại	<i>A young woman is to an old man the horse that he rides to hell.</i>
4. Lụ khụ như ông cụ bảy mươi	3. Phần Lan: Tuổi tác không cho bạn một khả năng xét đoán hợp lý, tuổi tác chỉ làm bạn bước chậm hơn thôi.
5. Già quá hóa lẩn	<i>Age does not give you goog sense, it only makes you go slowly.</i>
6. Người già mà lấy vợ tơ/ Như liều thuốc độc để hờ bên thân	4. Đức: Tuổi già không hề được che chở trước sự ngu xuẩn. <i>Old age is no protection against foolishness.</i>

Quan niệm tuổi già/ đời người đi cùng cái chết.

Tục ngữ Việt	Tục ngữ thế giới
1. Tuổi già như trái chín cây	1. Arabia: Cái chết là con lạc đà đen luôn nằm chờ ở mỗi cửa nhà. Sớm hay muộn bạn cũng phải cưỡi nó.
2. Sống ở nhà, già ra ở mồ	<i>Death is a black camel that lies down at every door. Sooner or later you must ride the camel.</i>
3. Sống cậy nhà, già cậy mồ	Chẳng ai là quá trẻ để chết ngày mai. <i>Nobody is too young to die tomorrow.</i>
4. Rắn già rắn lột, người già người tọt vào săng	2. Trung Hoa: Cuộc sống dẫu hạnh phúc đến mấy cũng kết thúc bằng cái chết. <i>The happiest life ends before death.</i>
5. Người ta sống vì	3. Catalonia: Chúng ta luôn có nhiều thời gian để chết và để

mồ vì mả, không ai sống vì cả bát cơm	trả nợ. <i>There is always lost of time to die and to pay.</i>
6. Sống gửi, thác về	4. Pháp: Tất cả chúng ta đều đã chết từ lâu. <i>We are all a long time dead.</i>
7. Ai chết trước thì được ẩm mồ	5. Đan Mạch: Năm tháng thì có cái mồm rộng và cái bụng bự. <i>The years has a wide mouth and a big belly.</i>
8. Sống dương gian, chết âm phần	6. Bantu: Người chết thì chẳng thể biết đâu là nắm mồ của mình. <i>A dead man does not know where his grave is.</i>
9. Người đời hữu tử hữu sanh	7. Thụy Điển: Thần chết di chuyển trên con lạc đà cực nhanh <i>Death rides a fast camel.</i>
10. Sinh hữu hạn, tử vô kỳ	8. Kikuyu (Đông Phi): Cái chết không hẹn mà đến. <i>Death makes no appointment.</i>
11. Sinh tử bất kỳ	9. Tây Tạng: Ai dám nói chắc rằng ngày mai mình sẽ còn sống? <i>Who can say with certainty that one will live to see the morrow?</i>

4. PHÂN TÍCH QUAN NIỆM VỀ TUỔI GIÀ VÀ CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI VIỆT QUA TỤC NGŨ THEO TIẾP CẬN LÝ THUYẾT DIỄN NGÔN

4.1. Tâm lý sợ mau già, vì tuổi già luôn đi kèm sự giảm sút về sức khỏe thể chất sinh học của người Việt

Diễn ngôn này được hình thành trong một bối cảnh xã hội cụ thể: bối cảnh của một xã hội nông nghiệp Việt truyền thống, có môi trường tự nhiên nóng ẩm của xứ nhiệt đới. Cái nóng của xứ sở nhiệt đới luôn tác động đến thể chất, làn da con người làm họ sớm lão hóa hơn cư dân ở những môi trường tự nhiên có khí hậu ôn đới, hàn đới.

Bên cạnh đó, theo tập quán lao động nông nghiệp truyền thống, người ta ra đồng lúc trời chưa kịp mọc và trở về

lúc mặt trời đã lặn, sụp tối. Cái nắng của khí hậu nhiệt đới khiến con người phải vất vả thích nghi với việc trải qua “một nắng hai sương”, “đi sớm về tối”. Ca dao, tục ngữ đã phản ánh tập quán khung giờ công việc này rất rõ: “Mặt trời tang tảng rạng đông/ Chàng ơi! Trở dậy ra đồng kéo trâu”, “Lao xao gà gáy rạng ngày/ Vai vác cái cày, tay dắt con trâu/ Bước chân xuống cánh đồng sâu/ Mắt nhắm mắt mở đuổi trâu ra cày”, “Trời ra, nắng; trời lặn, về/ Ngày ngày, tháng tháng; nghiệp nghề truân chuyên”. Chính vì vậy, với đặc điểm của một xã hội nông nghiệp lúa nước, hoàn cảnh thường xuyên phải “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”, lao động nặng nhọc vất vả quanh năm suốt tháng, tiếp xúc thường xuyên với ánh mặt trời cũng là điều kiện, nguyên nhân tác động đến hiện tượng mau già của con người.

Cũng ở bối cảnh của xã hội nông nghiệp lúa nước truyền thống, người Việt sinh đẻ nhiều, theo xu hướng “con đàn cháu đống”, “đông con lắm phúc”, đảm bảo nguồn nhân lực lao động nông nghiệp đồng thời đảm bảo sự phát triển của dòng tộc nên đây cũng là yếu tố tác động đến sự già nhanh của cơ thể con người, nhất là phụ nữ “*Gái một con trông mòn con mắt, gái hai con vú quặt đằng sau, gái ba con chỉ đâu ngồi đấy*”.

Cường độ lao động bận rộn, tất bật quanh năm gắn với mùa vụ của cư dân nông nghiệp trong điều kiện lao động của xứ nhiệt đới cũng là yếu tố làm giảm nhanh sức khỏe thể chất của con người. Trong bối cảnh xã hội nông nghiệp truyền thống, với hai vụ chiêm và vụ mùa, lịch thời vụ của cư dân nông nghiệp Bắc Bộ (Bắc Bộ hiểu theo cách chia nhị phân Nam - Bắc, bao gồm cả nông nghiệp Trung Bộ) “chật kín” trong một năm, chẳng có thời gian nào trong năm mà người ta không bận bịu với công việc đồng áng. Pierre Gourou khi khảo sát về châu thổ Bắc Bộ đã nhận định: “Mỗi tháng thậm chí mỗi tuần đều có công việc của nó. Trong bất cứ mùa nào ta đều thấy người nông dân cày, bừa, gieo mạ, cấy, tát nước, gặt hái. Chỉ có một thời gian nghỉ quan trọng nhất là vào dịp Tết Nguyên Đán, dài ngắn không đồng đều, nhưng chẳng bao giờ dưới một tuần. Khi ấy mọi người đều nghỉ lao động” (Gourou, 2003: 347). Ông cũng nhận xét thêm là do khí hậu vùng này cho phép người ta làm

ruộng quanh năm, tuy có lúc khẩn trương và lúc thư thả, nhưng tình trạng chung là lao động nông nghiệp liên tục được diễn ra. Trong bối cảnh xã hội như vậy, con người nhận ra mình già đi một cách nhanh chóng và tâm lý lo sợ tuổi xuân qua mau, tuổi già ập đến là một quan niệm phù hợp thực tiễn.

4.2. Sợ già nhưng vẫn đề cao tuổi già

Trong bối cảnh xã hội nông nghiệp truyền thống, tuổi già được đề cao vì gắn liền yếu tố kinh nghiệm, sự hiểu biết. Khi giao tiếp ứng xử, sự phân biệt trong mối quan hệ già - trẻ được đặt trên quy chuẩn “kính lão”, trọng già. Nói như Foucault, đằng sau diễn ngôn là quyền lực, thì có khả năng rất cao nhóm thế hệ tuổi già là chủ thể phát ngôn của tục ngữ nêu trên.

Trước hết, loại quyền lực này đến từ điều kiện sinh thái tự nhiên của một quốc gia nông nghiệp, đòi hỏi cần có vốn nhân sự quý hiếm là những “lão nông tri điền” để có thể am hiểu thời gian vũ trụ, nắm lịch sinh giới, đoán định thiên văn phục vụ mùa màng, bởi vì “hơn một ngày, hay một chước”, “sống lâu biết nhiều sự lạ”. Chính vì vậy mà những người càng có tuổi, dày kinh nghiệm càng có uy tín, vị thế trong xã hội. Có thể nói sự ra đời của những câu tục ngữ đề cao tuổi già có liên quan đến quyền lực của nhóm người có nhiều tri thức về thực tiễn nông nghiệp.

Tiếp đến, đó còn là loại quyền lực của một nhóm cộng đồng trong xã hội Nho

giáo truyền thống. Quy phạm về tuổi tác là một trong những quy phạm quan trọng của Nho giáo. Lễ ký viết: “Đời người ta từ mười năm (trở về trước) gọi là thơ ấu, hai mươi bắt đầu làm lễ quan (đội mũ, tức trưởng thành). Ba mươi là tráng kiện, có thể lập gia đình. Bốn mươi tuổi là mạnh nhất, ra làm quan. Năm mươi tóc đã bắt đầu bạc nên xin từ quan. Sáu mươi là già, có thể sai bảo người. Bảy mươi có thể dạy dỗ người, tám mươi chín mươi là già lắm rất đáng thương, ở tuổi ấy dù có tội cũng không nên gia hình. Trăm năm là kỳ hạn (của đời người), phải nương tựa vào người khác gọi là “Di” (Nguyễn Tôn Nhan, 1998)⁽¹⁾.

Tục coi trọng tuổi tác của Nho giáo khi gặp nền văn hóa nông nghiệp, nền văn hóa trọng kinh nghiệm đã tạo nên truyền thống trọng lão ăn sâu vào văn hóa người Việt. Theo ghi chép của *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam (từ đầu đến giữa thế kỷ XIX)*, “cho đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong khoán ước các làng xã vẫn còn ghi lại nhiều điều khoản liên quan đến tuổi già”. “Thường đến ngày 7 tháng giêng âm lịch, ngày khai hạ (có nơi ngày mùng 8), trong các làng đều có tổ chức mừng thọ các lão ông”. (Viện Sử học, 1987: 167).

Tục lên lão trong văn hóa làng xã kéo theo nghi thức yến lão trong lễ mừng thọ: tổ chức tiệc mừng, ăn mừng (được hưởng quyền lợi về ăn uống, biếu xén). Có thể tìm thấy những vết tích về văn hóa trọng lão trong thơ

của Nguyễn Khuyến, nhà thơ của làng xã Việt Nam. Những chi tiết này được Nguyễn Khuyến thể hiện trong các bài thơ “Mừng”: Mừng con dựng được nhà (*Năm mới lệ thường thêm tuổi một/ Cổ phe ngôi chốc đã bàn ba*), Mừng cụ Đặng Tự Ý bảy mươi tuổi, Mừng ông Ước Đà hàng thịt bảy mươi tuổi, mừng cụ Nhiêu Chuôi qua tuổi tám mươi. Tục lên lão, từ lâu không chỉ thể hiện giá trị của nền văn hóa trọng tuổi già mà còn là mỹ tục xuất phát từ đạo hiếu, nét đẹp của văn hóa Nho giáo.

4.3. Không quá lo sợ, ám ảnh về cái chết dù nhận thức tuổi già tất yếu đi cùng cái chết

Trong nội dung thông kê tục ngữ người Việt, chúng tôi không bắt gặp cách nghĩ theo kiểu “Chúng ta luôn có nhiều thời gian để chết và để trả nợ” (*There is always lost of time to die and to pay – Catalonia*) hay “Tất cả chúng ta đều đã chết từ lâu” (*We are all a long time dead – Pháp*), “Thần chết di chuyển trên con lạc đà cực nhanh” (*Death rides a fast camel – Thụy Điển*). Ngược lại, trong thái độ đối với chuyện sinh tử, người Việt cao tuổi thường thể hiện sự bình thản, điềm tĩnh hơn là lo sợ, bằng thái độ của người nắm được quy luật tự nhiên, xem cái chết chỉ là một hành trình đi ngang qua cuộc đời, là sự dời chuyển không gian cư trú của con người: là “qua đời”, “về nơi chín suối”, “khuất núi”, “về cõi âm”, “về trời”, “về với đất”...

Nguyễn Kiến Giang (2006) trong *Rồi ai cũng về cõi âm* cho rằng mỗi dân tộc có một thứ vũ trụ luận riêng của mình. Từ thời cổ xưa, trong vũ trụ luận của người Việt (thời Việt - Mường), không có sự ngăn cách không gian tuyệt đối giữa người sống và người chết. Trong đặc điểm tư duy này, “chết” không phải là hết, mà là chuyển từ trạng thái ‘sống’ này sang trạng thái ‘sống’ khác, đó chỉ là sự “khuất núi”, nghĩa là vẫn ở trên mặt đất này nhưng là ở bên kia núi, sự xa cách giữa người sống và người chết được rút ngắn lại.

Trong *Đi tìm cách tiếp cận bản tính tộc người Việt*, Nguyễn Kiến Giang cũng cho rằng: “Trong tâm thức người Việt: cõi âm là cõi vĩnh hằng của con người. Người ta thường nói “về” cõi âm mà không phải là “đi sang” cõi âm. “Về” - từ này hàm nghĩa một sự trở về và là trở về nơi cũ. “Về” không chỉ là có cái gì đó tiếp nối sự sống sau khi chết, đó còn hơn là một sự tiếp nối đơn thuần, đó là sự tồn tại vĩnh hằng sau khi chết...” (dẫn theo Lê Ngọc Trà, 2001).

Tuổi già và cái chết đối với người Việt là một điều tự nhiên của quy luật. Trong phong tục xưa, người già quen với việc chuẩn bị trước cho hậu sự của mình: quan tài được sắm sẵn và trở thành một thứ vật dụng quen mắt trong nhà. Sau này, ở Nam Bộ, huyệt mộ cũng được đào sẵn (còn gọi là xây kim tĩnh).

Trong tục ngữ Việt, có nhiều câu phản ánh vấn đề này: “Người ta sống vì mồ

vì mã, không ai sống vì cả bát cơm”, “Sống ở nhà, già ra ở mồ”, “Sống cậy nhà, già cậy mồ”, “Sống gửi, thác về”, “Rắn già rắn lột, người già người tọt vào sàng”, “Ai chết trước thì được ấm mồ”, “Sống dương gian, chết âm phần”...

Bên cạnh đó, có thể thấy, vị thế của “nhóm lão”, quyền lực xã hội của người già trong tổ chức làng xã người Việt cũng đã mang đến cho tuổi già tâm lý nhiều vinh dự, niềm vui hơn là sự ám ảnh về sự già nua và cái chết. Cho nên mặc dù trong tâm lý thường gặp, tuổi già như là sự tụt yếu dẫn thẳng đến cái chết nhưng vinh dự “được già” của tâm lý người Việt trong xã hội truyền thống đã là một “quyền lực” đánh bật đi tâm lý ám ảnh về cái chết. Một khi đã “lên lão”, sống thọ thì cái chết lại là một sự kiện tốt đẹp, đáng để mừng vui hơn lo sợ, ám ảnh, nên trong quan niệm về tục tang ma của người Việt có câu “Trẻ làm ma, già làm hội”.

Mặt khác, xã hội truyền thống người Việt còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của quan niệm về cái chết, về thời gian nhân sinh đời người theo triết lý Phật giáo. Theo đó, *cái chết không phải là một sự kết thúc hẳn*, chết là hết một kiếp, nhưng lại mở đầu cho một kiếp khác, cái chết chỉ là điểm cuối cùng của một thời kỳ nằm trong chuỗi dài vô tận của những kiếp luân hồi, *chết không phải là hết mà là điều kiện của một sự sinh thành mới*. Điều này thể hiện qua nội dung thuyết *luân hồi nghiệp báo*. Luân hồi được xem là chu

kỳ tái sinh của các bản thể, quan niệm là linh hồn của một sinh vật sau khi chết đi sẽ “đầu thai” lại thành một sinh vật khác (người, loài vật, cây cỏ), và cứ thế mãi, như bánh xe quay. Niềm tin này xuất hiện rất sớm ở phương Đông và là một thuyết cơ bản trong giáo lý Phật giáo. Và như thế, quyền lực tâm linh từ tôn giáo, tín ngưỡng đã hướng con người vào cách nghĩ “*kiếp chết, kiếp hết*”, cái chết nhẹ nhàng như “phù du”, “phù trần”, “phù vân”...

Trong đời sống của các vị Thiền sư, cái chết được quan niệm là sự giải thoát, hóa, quy hóa, tịch, viên tịch, quy tịch... “Trong sách *Thiền uyển tập anh* (1337), có 64/68 truyện thiền sư nói đến cái chết. Cái chết ở đây phần nhiều được khắc họa như một sự quy hóa thuận lẽ tự nhiên, chủ động và thanh thản. Đường như quan niệm triết học về bản thể tồn tại, sinh - diệt, hữu - vô... trong cách hình dung kiếp sống “sinh ký tử quy” đã trở thành ẩn tượng sâu đậm và chi phối cách bày

tỏ thái độ kiểu này (Vũ Việt Bằng, 2010).

5. KẾT LUẬN

Người Việt sợ mau già nhưng không sợ chết là một tâm lý có thực, đó là cách thức tư duy và hành xử được hình thành trong bối cảnh xã hội cổ truyền. Điểm đặc biệt là quan niệm về tuổi già và cái chết của người Việt qua tục ngữ có những sự đối lập, mâu thuẫn, thậm chí phủ định nhau mà trong khuôn khổ bài viết, nhờ vào lý thuyết diễn ngôn, chúng tôi mới có thể giải mã được sự hợp lý của những tư tưởng, quan niệm, cách hành xử của chủ thể văn hóa đối với tuổi già và cái chết khi đặt trong bối cảnh xã hội cụ thể. Bước đầu tiếp cận lý thuyết hiện đại để giải mã đối tượng diễn ngôn tục ngữ trong bối cảnh truyền thống, chúng tôi mong muốn có thể mở rộng vấn đề nghiên cứu này trong bối cảnh xã hội hiện đại, đó cũng chính là mục tiêu cho những nội dung nghiên cứu tiếp theo của chúng tôi. □

CHÚ THÍCH

(1) Dưới triều Lý Anh Tông, nhà nước quy định: *người 60 tuổi trở lên thì gọi là lão liệt (già yếu không làm gì được)*, từ 17 đến 59 tuổi là bậc thứ hai, từ 16 tuổi trở xuống gọi là hoàng nam. Triều Trần Thái Tông: làm sổ hộ khẩu, nắm dân đinh, chia thành: đại hoàng nam (con trai lớn), tiểu hoàng nam (con trai nhỏ), *lão (người 60 tuổi)*, *long lão (trên 60 tuổi)* (Viện Sử học, 1987: 163). Triều vua Quang Trung chia đinh làm 3 hạng: 2-17: vị cập bách, 18-55: tráng hạng, 56-60: *lão hạng*, 61 trở lên: *lão nhiều* (Trần Trọng Kim, 2015: 309).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Gerd de Ley. 2005. *Từ điển tục ngữ thế giới*. Hà Nội: Nxb. Lao động.
2. Gourou, P. 2003. *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*. TPHCM: Nxb. Trẻ TPHCM.
3. Lê Ngọc Trà (tập hợp và giới thiệu). 2001. *Văn hóa Việt Nam, đặc trưng và cách tiếp cận*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

4. Nguyễn Kiến Giang. 2006. “Rồi ai cũng về cõi âm”. <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=8182&rb=0305>, truy cập ngày 25/6/2022.
5. Nguyễn Thị Ngọc Minh. 2012. “Ba cách tiếp cận khái niệm diễn ngôn”. http://khoavanhocngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=3067%3Aba-cach-tip-cn-khai-nim-din-ngon&Itemid=135&lang=vi, truy cập ngày 15/4/2022.
6. Nguyễn Tôn Nhan (dịch, chú giải). 1998. *Kinh Lễ*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
7. Nguyễn Xuân Kính (chủ biên). 2002. *Kho tàng tục ngữ người Việt*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.
8. Phạm Đức Dương. 2002. *Từ văn hóa đến văn hóa học*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.
9. Trần Trọng Kim. 2015. *Việt Nam sử lược*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
10. Viện Sử học. 1987. *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam (từ đầu đến giữa thế kỷ XIX)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
11. Vũ Việt Bằng. 2010. “Tìm hiểu tang lễ Thiền sư trong *Thiền uyển tập anh*”. <https://khoavanhoc.edu.vn/index.php/nghienquukhoahoc/cong-trinh-khoa-hc/hannom/761-tim-hieu-tang-l-thin-s-trong-qthin-uy-n-tp-anhq>, truy cập ngày 25/6/2022.